TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày: 29-4-2022
V/v tranh chấp chia tài sản thuộc quyền sở hữu chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Ông Phạm Hoàng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia tài sản thuộc quyền sở hữu chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh B, sinh năm 1956; địa chỉ nơi cư trú: Số 2/81A, T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: Nhà số 73A, tổ 14, ấp T, xã H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; trú tại: Tổ 4, ấp 3, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người địa diện theo ủy quyền của nguyên đơn; (văn bản ủy quyền ngày 29-4-2020) có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành K, sinh năm 1970; trú tại: Số 2/81A, khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị Thành T, sinh năm 1954; trú tại: Số 14/55, khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Ông Võ Thành Q, sinh năm 1962; trú tại: Số 15/59, khu phố T,

phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Ông Võ Thanh C, sinh năm 1966; trú tại: Số F97/9, khu phố 2, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.4. Bà Trần Kim H, sinh năm 1963; trú tại: Số 40/5, khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.5. Chị Võ Trúc P, sinh năm 1986; trú tại: Số 40/5, khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.6. Chị Võ Mai P, sinh năm 1988; trú tại: Số 40/5, khu phố 4, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.7. Chị Võ Lan P, sinh năm 1990; trú tại: Số 40/5, Khu phố 4, Phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.8. Anh Võ Thành P, sinh năm 1996; trú tại: Số 40/5, Khu phố 4, Phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Chị Võ Trúc P, Võ Mai P, Võ Lan P và anh Võ Thành P ủy quyền cho bà Trần Kim H (văn bản ủy quyền ngày 03-11-2020);

3.9. Bà Huỳnh Thị Bạch T, sinh năm 1971; trú tại: Số 2/81A, khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-4-2020, bản tự khai của nguyên đơn và các lời khai tại tòa án người đại diện nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Cha mẹ của bà Võ Thị Thanh B là cụ ông Võ Thành P sinh năm 1924, chết năm 2006 và cụ bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1925, chết năm 1999 chung sống có 06 người con gồm:

1. Võ Thị Thành T, sinh năm 1954;

2. Võ Thị Thanh B, sinh năm 1956;

3. Võ Thành Q, sinh năm 1962;

4. Võ Thanh C, sinh năm 1966;

5. Võ Thành M, sinh năm 1963, chết năm 1998, ông M có vợ tên Trần Kim H, sinh năm 1963 và các con gồm: Võ Trúc P, sinh năm 1986, Võ Mai P, sinh năm 1988, Võ Lan P, sinh năm 1990 và Võ Thành P, sinh năm 1996.

6. Võ Thành K, sinh năm 1970.

Sau khi cụ Đ cụ P chết có để lại phần đất diện tích 25.355 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ P đứng tên (diện tích đất thực tế là 36.687 m^2); năm 2008 các anh chị em khai nhận thừa kế và thỏa thuận chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại; chia cho mỗi người một phần, phần còn lại diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là đất hương quả để thờ cúng ông bà, cha

mẹ giao ông K đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong quá trình ông K quản lý đất bà B có yêu cầu xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K cho rằng giấy bị thất lạc nên phát sinh mâu thuẫn; bà B khởi kiện yêu cầu ông K chia phần đất trên ra làm 06 phần bằng nhau cho các anh chị em mỗi người 01 phần diện tích 1.245,6 m^2 trong diện tích đất 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008; ngoài ra không yêu cầu đối với các tài sản gắn liền trên đất, đồng ý trả lại giá trị tài sản gắn liền trên đất cho ông K. Quá trình giải quyết vụ án bà B đồng ý chia phần đất trên thành 08 phần bằng nhau, mỗi người hưởng 01 phần, 02 phần còn lại giao cho ông K để thờ cúng cha mẹ.

- *Bị đơn ông Võ Thành K trình bày*: Ông đồng ý thống nhất cha ông là cụ Võ Thành P, sinh năm 1924, chết năm 2006 và cụ bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1925, chết năm 1999 chung sống có 06 người con gồm:

1. Võ Thị Thành T, sinh năm 1954;

2. Võ Thị Thanh B, sinh năm 1956;

3. Võ Thành Q, sinh năm 1962;

4. Võ Thanh C, sinh năm 1966;

5. Võ Thành M, sinh năm 1963, chết năm 1998, ông M có vợ tên Trần Kim H, sinh năm 1963 và các con gồm Võ Trúc P, sinh năm 1986, Võ Mai P, sinh năm 1988, Võ Lan P, sinh năm 1990 và Võ Thành P, sinh năm 1996.

6. Võ Thành K, sinh năm 1970.

Quá trình chung sống các cụ có tạo lập một số tài sản, trước khi chết có để lại di chúc chia tài sản làm 08 phần, 02 phần cha mẹ và 06 phần cho 06 người con. Sau khi cha mẹ chết, 06 anh em hưởng mỗi người 01 phần; còn lại phần đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; theo tinh thần cha mẹ trước khi qua đời phần đất này là đất hương quả để thờ cúng ông bà, cha mẹ giao cho ông được đại được quyền sử dụng, canh tác không được mua bán và giao dịch. Ông đã thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của ông theo di chúc của cha mẹ để lại. Nay bà B khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế đối với phần đất trên ông không đồng ý do ông thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm mà các anh chị em đã thống nhất giao cho ông quản lý sử dụng phần đất trên.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Võ Thị Thành T trình bày: Bà đồng ý thống nhất với phần trình bày của bà B và ông K về quan hệ huyết thống, khi cha mẹ chết có để lại di chúc;

nhưng sau đó các anh chị em đã khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận chia đều cho các anh chị em mỗi người một phần, còn lại một phần thống nhất giao cho ông K quản lý, sử dụng đến nay; thống nhất phần đất diện tích 7.473,7 m^2 tại thửa 16, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế 7.257 m^2) là tài sản của chung (06 anh chị em cùng đứng tên). Nay đồng ý chia thành 08 phần bằng nhau, mỗi người hưởng 01 phần, 02 phần còn lại giao cho ông K để thờ cúng cha mẹ.

+ Ông Võ Thành Q trình bày: Ông thống nhất phần đất diện tích 7.473,7 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế là 7.257 m^2) thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là di sản do cha mẹ chết để lại. Trước đây, ngày 20-5-2008 sau khi cha mẹ chết các anh em trong gia đình có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế cho các anh em mỗi người một phần, đồng ý giao diện tích đất trên cho ông K đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao cho ông K quản lý sử dụng phần đất trên đến nay; ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chia tài sản của cha mẹ chết để lại phần đất trên thì ông đồng ý nhận phần mà ông được hưởng, đồng thời phải chừa lại phần của cha mẹ dùng để thờ cúng cha mẹ do nguồn gốc là của cha mẹ tạo lập nên. Phần đất tranh chấp này là một khối thống nhất không thể chia cắt ra được, do trước đây gia đình có chừa 4m làm đường đi nội bộ của gia đình tự mở để đi, con đường đi vào nhà ông; đối với kết quả đo đạc và thẩm định giá tài sản ông không có ý kiến.

+ Ông Võ Thanh C trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà T là sau khi cha mẹ chết, các anh chị em đã khai nhận di sản thừa kế và thỏa thuận chia đều cho các anh chị em mỗi người một phần, còn lại một phần thống nhất giao cho ông K quản lý, sử dụng đến nay; phần đất diện tích 7.473,7 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế là 7.257 m^2) thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của 06 anh chị em cùng đứng tên. Ông đồng ý chia thành 08 phần, mỗi người một phần, 02 phần chừa lại dùng để thờ cúng cha mẹ giao cho ông K; đối với kết quả đo đạc và thẩm định giá tài sản ông không có ý kiến.

+ Bà Trần Kim H trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của các anh chị em là sau khi cha mẹ chết có để lại tài sản, các anh chị em đã thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế, phần đất diện tích 7.473,7 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung (06 anh chị em cùng đứng tên); bà đồng ý thống nhất chia thành 08 phần, đồng ý nhận phần mà chồng bà được hưởng, đồng ý giao cho ông K 03 phần, 01 phần ông K được hưởng, 02 phần giao cho ông K có trách nhiệm để thờ cúng cha mẹ, không yêu cầu chia tài sản trên đất; đồng ý kết quả đo đạc và thẩm định giá tài sản.

+ Bà Huỳnh Thị Bạch T đã được Tòa án tống đạt nhưng không trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa án.

+ Chị Lan P, Mai P, Trúc P và anh Võ Thành P đồng ý thống nhất với phần trình bày của bà H.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có mặt tại phiên tòa chấp hành tốt nội quy phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ các Điều 208, Điều 218, Điều 219, Điều 221 của BLDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh B:

+ Chia QSDĐ diện tích đất 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế là 7.257 m^2) thành 08 phần, mỗi người được hưởng 01 phần; giao cho ông K được hưởng 03 phần (02 phần thờ cúng cha mẹ).

+ Về án phí và chi phí định giá tài sản: Các đương sự phải chịu theo giá trị phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật tại Điều 147 và Điều 165 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án: Theo hồ sơ thể hiện các bên khai thống nhất là cụ Võ Thành P sinh năm 1924, chết năm 2006 và cụ bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1925, chết năm 1999 có để lại di chúc; hai cụ chung sống có 06 người con gồm:

1. Võ Thị Thành T, sinh năm 1954;
2. Võ Thị Thanh B, sinh năm 1956;
3. Võ Thành Q, sinh năm 1962;
4. Võ Thanh C, sinh năm 1966;
5. Võ Thành M; sinh năm 1963 (chết năm 1998 có vợ và các con);
6. Võ Thành K, sinh năm 1970.

Sau khi cụ Đ cụ P chết có để lại phần đất diện tích 25.355 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ P đứng tên (diện tích đất thực tế là 36.687 m^2); năm 2008 các anh chị em khai nhận thừa kế và thỏa thuận chia di sản thừa kế của cha mẹ chết để lại; chia cho mỗi người một phần, phần còn lại diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh giao ông K đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng để khai thác hoa lợi cúng giỗ ông bà cha mẹ; trong quá trình ông K quản lý đất bà B có yêu cầu xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K cho rằng giấy bị thất lạc nên phát sinh mâu thuẫn. Bà B khởi kiện yêu cầu ông K chia phần đất trên ra làm 06 phần bằng nhau cho các anh chị em mỗi người 01 phần diện tích là 1.245,6 m^2 trong phần diện tích đất 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008; ngoài ra không yêu cầu đối với các tài sản gắn liền trên đất, đồng ý trả lại giá trị tài sản gắn liền trên đất cho ông K. Quá trình giải quyết vụ án bà B đồng ý chia phần đất trên thành 08 phần bằng nhau, mỗi người hưởng 01 phần, 02 phần còn lại giao cho ông K để thờ

cúng cha mẹ.

[2.1] Xét thấy căn cứ vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 20-5-2008 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tây Ninh nội dung thể hiện: Tài sản thừa kế diện tích đất 25.355 m^2 tọa lạc tại T, N, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) diện tích đất thực tế là 36.687 m^2, thuộc thửa đất cũ số 219, thửa mới số 16, tờ bản đồ cũ số 4, mới số 5 mục đích sử dụng đất, đất quả; thời hạn sử dụng đất 50 năm (kể từ ngày 02-3-1995); hình thức sử dụng, nguồn gốc sử dụng đất: (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: D.0611258 vào sổ cấp giấy CNQSDĐ số 03364. QSDD-/D5, ngày 02-3-1995 do UBND huyện Hòa Thành cấp và theo hồ sơ hiện trạng ngày 02-5-2008); cha mẹ chết không để lại di chúc nên tài sản thừa kế nêu trên được chia theo quy định của pháp luật, thống nhất phân chia mỗi người được hưởng 2 phần với hình thức sử dụng: Riêng; nguồn gốc sử dụng đất: nhận tài sản thừa kế. Sau khi tờ thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế này được Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 Tây Ninh, ký tên và đóng dấu thì mỗi người được quyền định đoạt, được quyền sang tên đăng ký quyền sử dụng đất mà mình được hưởng. Phần đất của mẹ con bà Trần Thị H, các con đồng ý giao cho mẹ đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất muốn giao dịch dân sự phải có sự đồng ý của các con.

[2.2] Ngoài ra ông Võ Thành K còn đại diện anh chị em đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất hương quả diện tích 7.437,7 m^2 tại tờ bản đồ (cũ số 04) mới số 05, thửa đất (cũ số 219) thửa mới số 8 (16), mục đích sử dụng đất, đất quả; thời hạn sử dụng đất 50 năm (kể từ ngày 02-3-1995); hình thức sử dụng riêng so với đất liền kề (nhưng là tài sản chung của anh chị em), nguồn gốc sử dụng đất nhận tài sản thừa kế. Phần đất này ông K chỉ được quyền sử dụng, khai thác hoa lợi trên đất để sử dụng vào việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, không được quyền giao dịch dân sự khi chưa có sự đồng ý của anh chị em. Nếu ông K cố ý thực hiện những giao dịch dân sự thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Văn bản phân chia tài sản thừa kế này với ý chí hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không để sót người thừa kế cũng như không khai gian dối; sự việc này các bên đều thừa nhận là có đúng sự thật.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên xác định phần đất diện tích 7.437,7 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế là 7.257 m^2) thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của 06 anh chị em (kèm danh sách đứng tên gồm có bà T, bà B, ông Q, ông C và bà H) nguồn gốc là nhận tài sản thừa kế của cha mẹ chết để lại. Nay nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất yêu cầu chia thành 8 phần, mỗi người hưởng 01 phần; riêng ông K được hưởng 03 phần trong đó có 02 phần hương quả để thờ cúng cha mẹ, ông K không đồng ý. Do đó xác định các đương sự "Tranh chấp

chia tài sản thuộc quyền sở hữu chung" đối với quyền sử dụng đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008.

[3] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo bà B khai sau khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 20-5-2008 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Tây Ninh đến ngày ông K đăng ký phần di sản thừa kế mà mình được hưởng và phần hương quả thì cả 06 anh chị em đều đứng tên nhưng giao cho ông K quản lý, sử dụng; trong quá trình ông K sử dụng đất bà B có yêu cầu xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K cho rằng giấy bị thất lạc nên phát sinh mâu thuẫn; bà B khởi kiện yêu cầu ông K chia phần đất trên ra làm 06 phần bằng nhau cho các anh chị em mỗi người 01 phần diện tích 1.245,6 m^2 trong diện tích đất 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008; ngoài ra không yêu cầu đối với các tài sản gắn liền trên đất, đồng ý trả lại giá trị tài sản gắn liền trên đất cho ông K. Nếu các anh chị em thỏa thuận thống nhất được thì đồng ý chia phần đất trên thành 08 phần bằng nhau, mỗi người hưởng 01 phần, 02 phần còn lại giao cho ông K để thờ cúng cha mẹ.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án ông K không đồng ý cho rằng phần đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là đất hương quả, theo tinh thần cha mẹ trước khi qua đời phần đất này là đất hương quả để thờ cúng ông bà, cha mẹ giao cho ông đại diện được quyền sử dụng, canh tác không được mua bán và giao dịch; ông đã thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm của ông theo di chúc của cha mẹ để lại. Tại phiên tòa ngày 15-01-2022 ông K trình bày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông giữ đã bị thất lạc, trước đây ông có nộp hồ sơ yêu cầu Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh thành phố Tây Ninh cấp phó bản và đã được xác nhận cấp phó bản nhưng ông chưa nhận phó bản nên không cung cấp cho Tòa án, không biết lúc nào ông mới nhận.

[3.2] Xét thấy căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 02767/HN ngày 26-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên phần đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh

Tây Ninh; (cùng với những người nhận thừa kế có tên trong danh sách kèm theo giấy chứng nhận này) danh sách người sử dụng chung thửa đất gồm có bà Võ Thị Thành T, sinh năm 1954; bà Võ Thị Thanh B, sinh năm 1956; ông Võ Thành Q, sinh năm 1962; ông Võ Thanh C, sinh năm 1966; bà Trần Kim H; sinh năm 1963 (BL số: 135,136) và tại Văn bản số: 15/VPĐKĐĐ-CNTPTN ngày 08-02-2022 của Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh thành phố Tây Ninh cung cấp thông tin hồ sơ địa chính cho Tòa án phúc đáp một số thông tin có liên quan đến Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là qua rà soát hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh thành phố Tây Ninh; chưa tìm thấy thông tin về việc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa (cấp phó bản).

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các anh chị em) gồm: bà B, bà T, ông Q, ông C và bà Hthống nhất chia phần đất trên thành 08 phần bằng nhau mỗi người 01 phần, còn lại 02 phần giao cho ông K để thờ cúng cha mẹ. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Xét về chứng cứ: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 kèm danh sách người sử dụng chung thửa đất; Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 20-5-2008 và tờ Di chúc ngày 26-10-1993. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên xác định các chứng cứ trên là đúng. Do đó chứng cứ trong vụ án là đúng sự thật.

[5] Xét về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên xác định, thống nhất phần đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02767/HN ngày 26-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên kèm theo danh sách gồm bà Võ Thị Thành T; bà Võ Thị Thanh B; ông Võ Thành Q; ông Võ Thanh C và bà Trần Kim H; phần đất trên được tất cả nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận xác định nguồn gốc là nhận tài sản thừa kế của cha mẹ chết để lại các anh chị em thống nhất giao cho ông K đại diện dứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà B, bà T, ông Q, ông C và bà H thống nhất chia thành thành 8 phần bằng nhau mỗi người 01 phần, còn lại 02 phần giao cho ông K để thờ cúng

cha mẹ; ông K không đồng ý.

[5.1] Xét thấy căn cứ vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02767/HN ngày 26-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên (cùng những người nhận thừa kế có tên danh sách kèm theo) và Danh sách người sử dụng chung thửa đất (hồ sơ được văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - chi nhánh thành phố Tây Ninh cung cấp); thể hiện cho thấy nguồn gốc đất là nhận tài sản thừa kế.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên khai thống nhất và thừa nhận ngày 20-5-2008 các anh chị em và con cháu gồm: bà Võ Thị Thành T, bà Võ Thị Thanh B, ông Võ Thành Q, ông Võ Thanh C, bà Trần Kim H, ông Võ thành K, chị Võ Trúc P, chị Võ Mai P, chị Võ Lan P và anh Võ Thành P có đến Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tây Ninh lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế phần đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thuộc quyền sử dụng chung cả 06 anh chị em đều đứng tên nhưng giao cho ông K quả lý, sử dụng. Sau đó kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02767/HN ngày 26-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên (cùng những người nhận thừa kế có tên danh sách kèm theo); tình tiết này được tất cả các bên thừa nhận phù hợp theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[6] Xét về diện tích và giá trị đất: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02767/HN ngày 26-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên (cùng những người nhận thừa kế có tên danh sách kèm theo) phần đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Xét thấy theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 19-11-2021 của Công ty TNHH Trắc địa và bản đồ Miền Nam đo đạc, hiện diện tích đất thực tế là 7.257 m^2 và theo chứng thư thẩm định giá số: 0619N/2021/CT-MHD ngày 12-11-2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá MHD trị giá đất là 20.713.466.418 đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên thống nhất. Do đó xác định diện tích đất tranh chấp là 7.257 m^2, trị giá đất là 20.713.466.418 đồng.

[7] Về xác định phương thức phân chia: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất: Phần đất diện tích (đất thực tế) là 7.257 m^2 trị giá là 20.713.466.418 đồng chia thành 08 phần bằng nhau mỗi phần 907,125 m^2 trị giá là 2.589.183.302 đồng: bà Võ Thị Thành T 01 phần, bà Võ Thị Thanh B 01 phần, ông Võ Thành Q 01 phần, ông Võ Thanh C 01 phần, bà Trần Kim H01 phần, ông Võ Thành K 03 phần (01 phần của ông K và 02 phần giao cho ông K để thờ cúng cha mẹ) cụ thể như sau:

+ Ông Võ Thành K được chia (03 phần) tổng diện tích là 2.720,6 m^2 (ngang hướng Nam dài 27,07 m, ngang hướng Bắc dài 22,13 m; dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp các thửa 377; 397; 491; 381; 492; phía Tây giáp phần đất bà T được chia dài hết đất; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 7.767.549.906 đồng.

+ Bà Võ Thị Thành T được chia diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 8,86 m, ngang hướng Bắc dài 7,66 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông K được chia; phía Tây giáp đất bà B được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

+ Bà Võ Thanh B được chia diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 8,39 m, ngang hướng Bắc dài 7,83 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà T được chia; phía Tây giáp đất bà Hà được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

+ Bà Trần Kim H được chia diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 8,20 m, ngang hướng Bắc dài 8,66 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà B được chia; phía Tây giáp đất ông C được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

+ Ông Võ Thanh C được chia diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 7,95 m, ngang hướng Bắc dài 8,2 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà H được chia; phía Tây giáp đất ông Q được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc

giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

+ Ông Võ Thành Q được chia diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 7,63 m, ngang hướng Bắc dài 6,94 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông C được chia; phía Tây giáp thửa 376 (đất ông Q); phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định theo sơ đồ đính kèm.

[8] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định không yêu cầu chia tài sản gắn liền trên đất; hiện trên đất có các nhà màng của ông K đang trồng dưa lưới thời vụ thu hoạch thời hạn 02 tháng, sau khi ông K thu hoạch giao đất và các bên thống nhất hiện trên đất có đường đi nội bộ 4 m (trong thửa đất) nên đồng ý giữ nguyên hiện trạng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 208, Điều 218, Điều 219, Điều 221, của BLDS; Điều 147; Điều 165 của BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

+ Chia QSDĐ diện tích đất 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02767/HN do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế là 7.257 m^2) thành 08 phần, mỗi người được hưởng 01 phần gồm: Bà T, bà B, ông Q, ông C, bà H và giao cho ông K được hưởng 03 phần (ông kiện 01 phần và 02 phần để thờ cúng cha mẹ).

+ Về án phí và chi phí định giá tài sản: Các đương sự phải chịu theo giá trị phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật tại Điều 147 và Điều 165 BLTTDS.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định nên chấp nhận.

[10] Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh B đối với ông Võ Thành K.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng an phí và lệ phí Tòa án nên các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế; cụ thể như sau:

- Ông K được hưởng 03 phần đất trị giá là 7.767.549.906 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.767.549 đồng.

- Bà T, bà B, bà Hà, ông Cần và ông Quang mỗi người được hưởng 01 phần đất trị giá là 2.589.183.302 đồng nên mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 83.783.666 đồng.

- Ngày 29-4-2020 bà Võ Thanh B có đơn xin miễn nộp tiền án phí với lý do là người cao tuổi. Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng an phí và lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

[12] Về chi phí Tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định giá và thẩm định tại chỗ số tiền là 91.800.000 đồng. Căn cứ Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá; mỗi người được chia tài sản phải chịu chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản được chia. Ông K được chia 03 phần nên phải chịu số tiền là 34.425.000 đồng; bà T, bà B, bà H, ông C và ông Q mỗi người được chia 01 phần nên mỗi người phải chịu số tiền là 11.475.000 đồng; số tiền này bà B đã chi trả nên các bên đương sự có trách nhiệm giao nộp trả lại cho bà B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 208; Điều 218; Điều 219; Điều 221 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh B đối với ông Võ Thành K yêu cầu chia quyền sử dụng đất diện tích 7.473,7 m^2 thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 452572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 02767/HN ngày 26-12-2008 do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) cấp cho ông Võ Thành K đại diện đứng tên ngày 26-12-2008 (diện tích đất thực tế là 7.257 m^2).

2. Ông Võ Thành K được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 2.720,6 m^2 (ngang hướng Nam dài 27,07 m, ngang hướng Bắc dài 22,13 m; dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp các thửa 377; 397; 491; 381; 492; phía Tây giáp phần đất bà T được chia dài hết đất; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 7.767.549.906 đồng.

3. Bà Võ Thị Thành T được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 907,125

m^2 (ngang hướng Nam dài 8,86 m, ngang hướng Bắc dài 7,66 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông K được chia; phía Tây giáp đất bà B được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

4. Bà Võ Thanh B được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 8,39 m, ngang hướng Bắc dài 7,83 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà T được chia; phía Tây giáp đất bà H được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

5. Bà Trần Kim H được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 8,20 m, ngang hướng Bắc dài 8,66 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà B được chia; phía Tây giáp đất ông C được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

6. Ông Võ Thanh C được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 7,95 m, ngang hướng Bắc dài 8,2 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất bà H được chia; phía Tây giáp đất ông Q được chia; phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

7. Ông Võ Thành Q được hưởng quyền sử dụng đất diện tích 907,125 m^2 (ngang hướng Nam dài 7,63 m, ngang hướng Bắc dài 6,94 m, dài hết đất); thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại khu phố T, phường N, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phần đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông C được chia; phía Tây giáp thửa 376 (đất ông Q); phía Nam giáp Mương (Hiện trạng là đường); phía Bắc giáp Suối vườn Điều; giá trị phần đất là 2.589.183.302 đồng.

Vị trí, kích thước, mốc giới được xác định theo sơ đồ đính kèm.

8. Buộc ông Võ Thành K có trách nhiệm giao lại cho những người được chia các phần diện tích đất nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật; hiện trên đất có các nhà màng của ông K đang trồng dưa lưới thời vụ thu hoạch (thời hạn 02 tháng), sau khi thu hoạch giao đất.

9. Ghi nhận các bên thống nhất hiện trên đất có đường đi nội bộ 4 m (trong thửa đất) nên giữ nguyên hiện trạng.

10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông K phải chịu là 115.767.549 đồng.
- Bà T, bà H, ông C và ông Q mỗi người phải chịu là 83.783.666 đồng.
- Bà B được miễn tiền án phí

11. Về chi phí Tố tụng: Chi phí đo đạc, thẩm định giá và thẩm định tại chỗ 91.800.000 đồng:

- Ông K phải chịu 34.425.000 đồng;
- Bà T, bà B, bà H, ông C và ông Q mỗi người phải chịu 11.475.000 đồng; số tiền này bà B đã chi trả nên các bên đương sự có trách nhiệm giao nộp trả lại cho bà B

12. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật Dân sự năm 2015.

13. Báo cho các đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

14. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Phan Tuyến